

Bản án số: 88/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2025

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên, bà Nguyễn Thị Bận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/8/2025, về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị Như Q, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B M, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Nông Trung T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B M, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Chị Tô Thị Như Q và anh Nông Trung T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/02/2021 tại Ủy ban nhân dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn hôn nhân ngày càng lớn và không thể hàn gắn nên chị Q và anh T đã ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Hiện chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh Nông Trung T.

Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung là cháu Nông An P, sinh ngày 18/12/2022. Chị Q yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nông Trung T tham gia tố tụng nhưng bị đơn không tham gia tố tụng, không giao nộp tài liệu chứng cứ và văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có thể xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Tô Thị Như Q và anh Nông Trung T đã trầm trọng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Q được ly hôn đối với anh T; giao con chung là cháu Nông An P, sinh ngày 18/12/2022 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “*Ly hôn và con chung*” đối với anh Nông Trung T (cư trú tại phường B), đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, chị Tô Thị Như Q vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nông Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Q và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, các đương sự đã ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Bị đơn anh Nông Trung T không tham gia tố tụng thể hiện việc không muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Tô Thị Như Q và anh Nông Trung T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt

được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung:

Chị Q và anh T có 01 con chung là cháu Nông An P, sinh ngày 18/12/2022. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nông Trung T không có văn bản yêu cầu về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy chị Tô Thị Như Q có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, cháu Nông An P hiện dưới 36 tháng tuổi nên cần nhiều hơn sự quan tâm, chăm sóc từ người mẹ nên cần giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Tô Thị Như Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tô Thị Như Q.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị Như Q được ly hôn đối với anh Nông Trung T.

Về con chung: Giao cháu Nông An P, sinh ngày 18/12/2022 cho chị Tô Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Tô Thị Như Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000005 ngày 30/7/2025, tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 1;
- UBND xã Ea Drông, tỉnh Đắk Lắk (số 09/2021);
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng